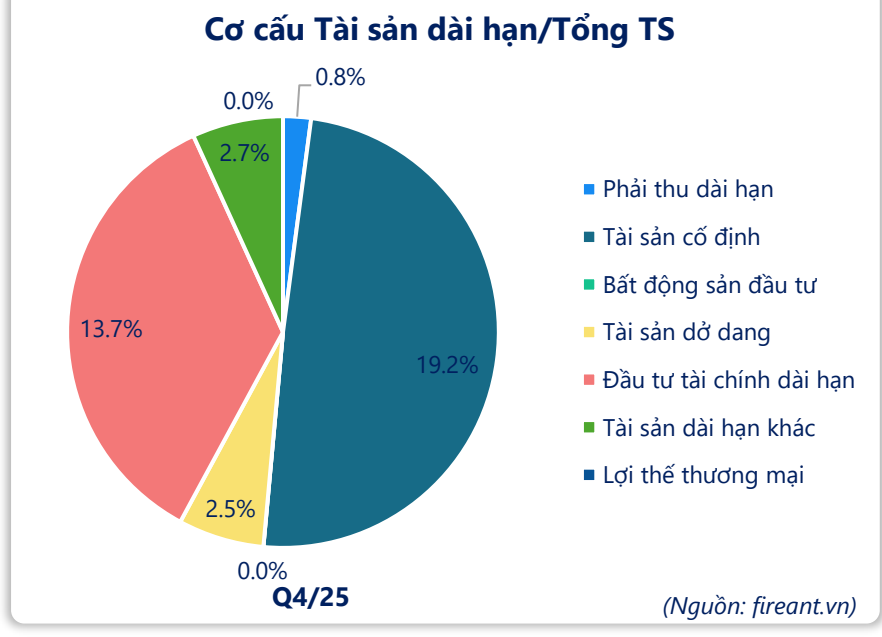
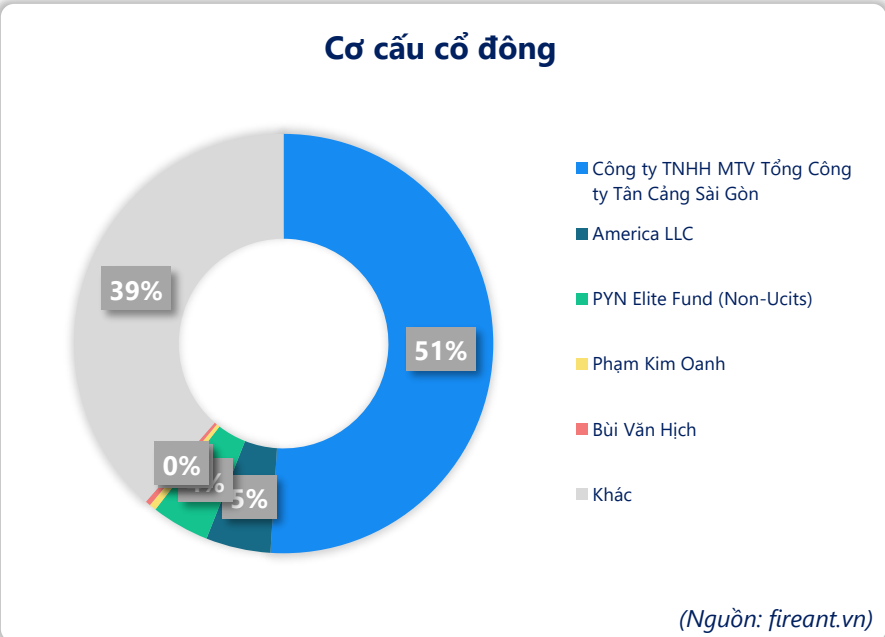
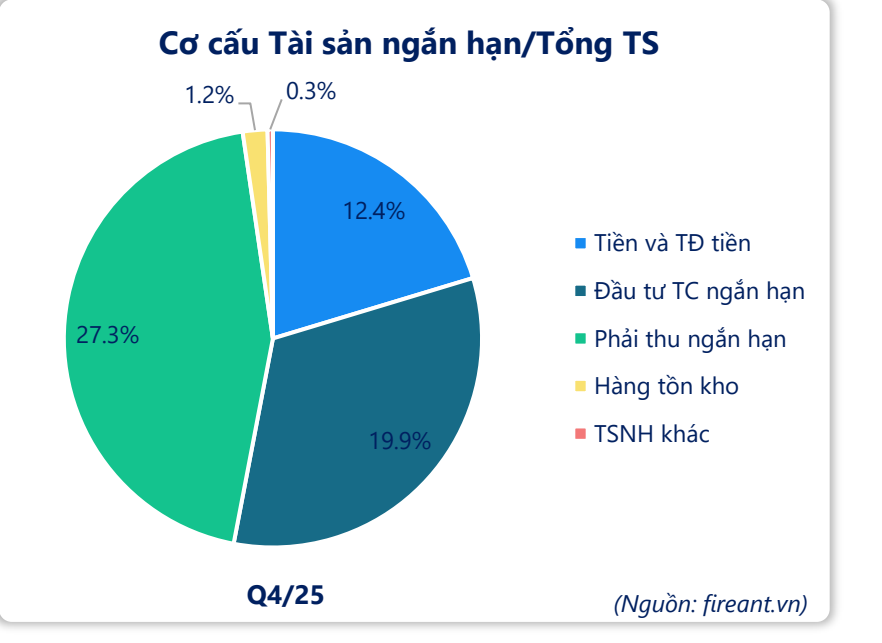
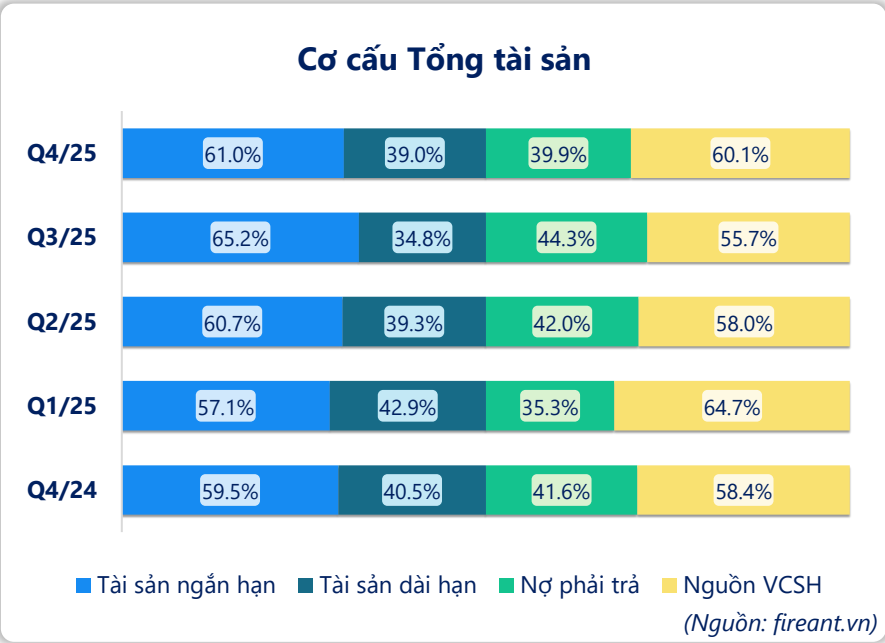
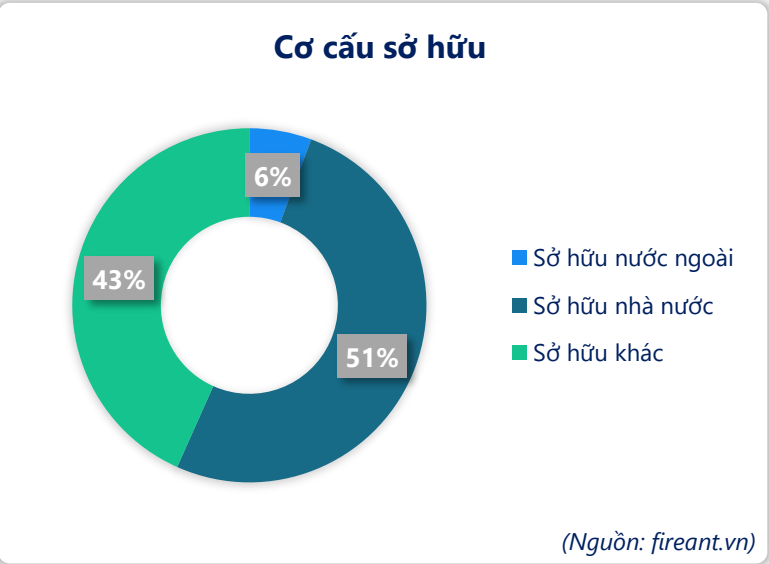
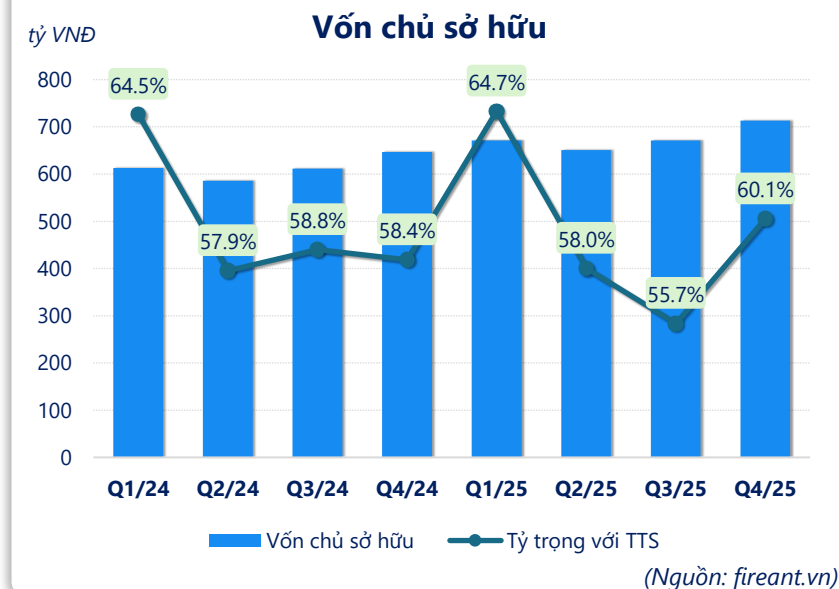
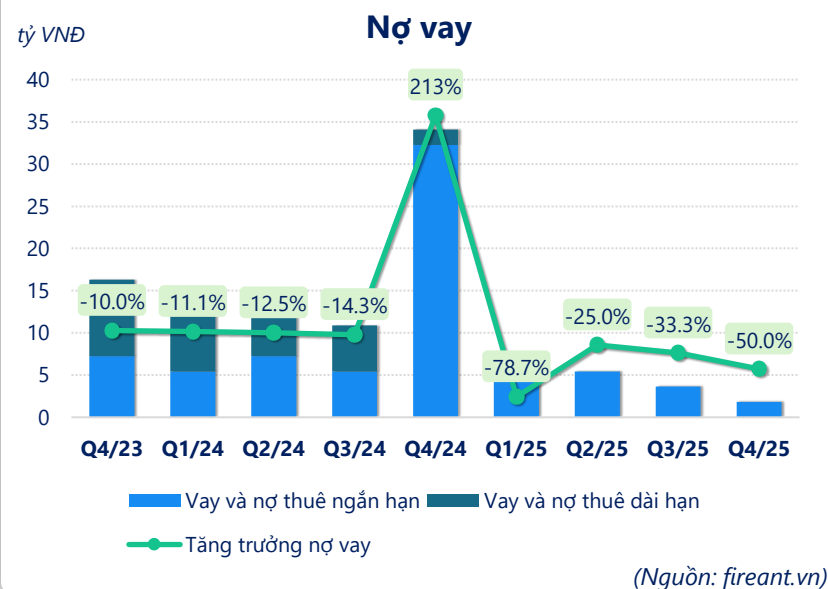
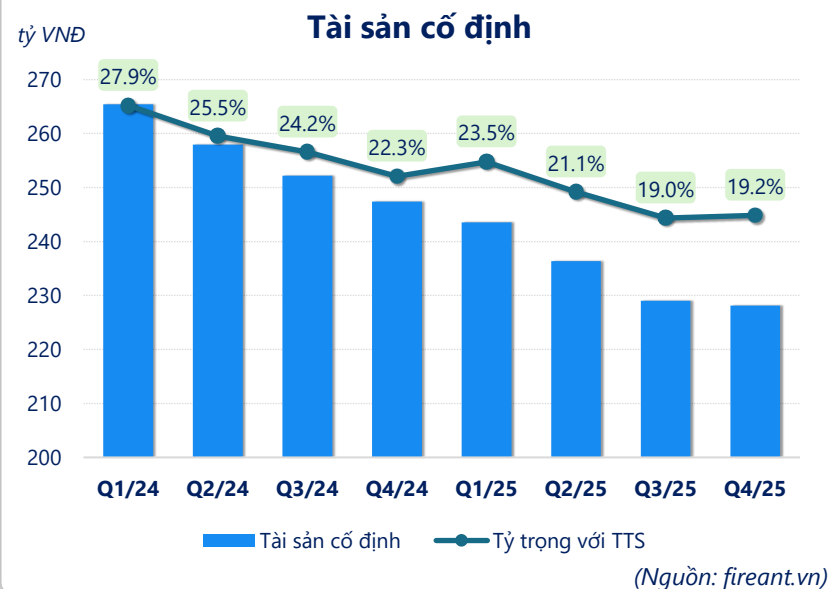
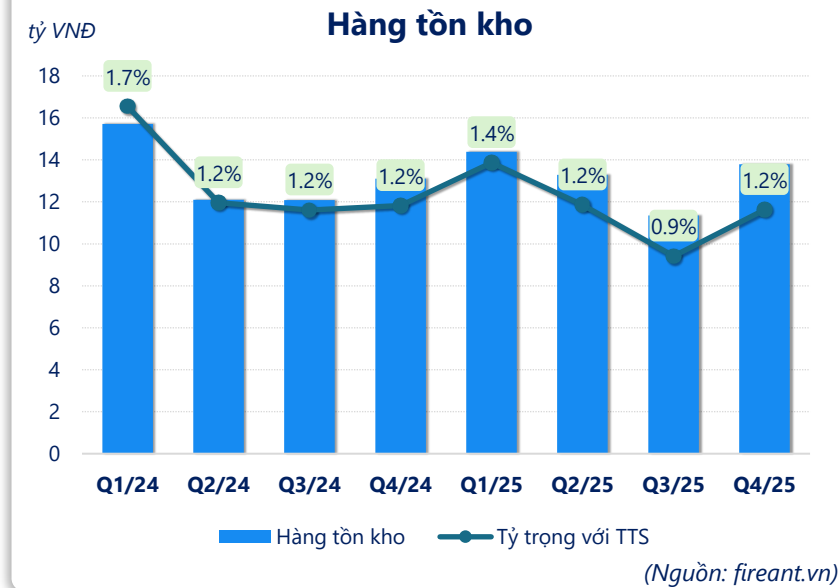
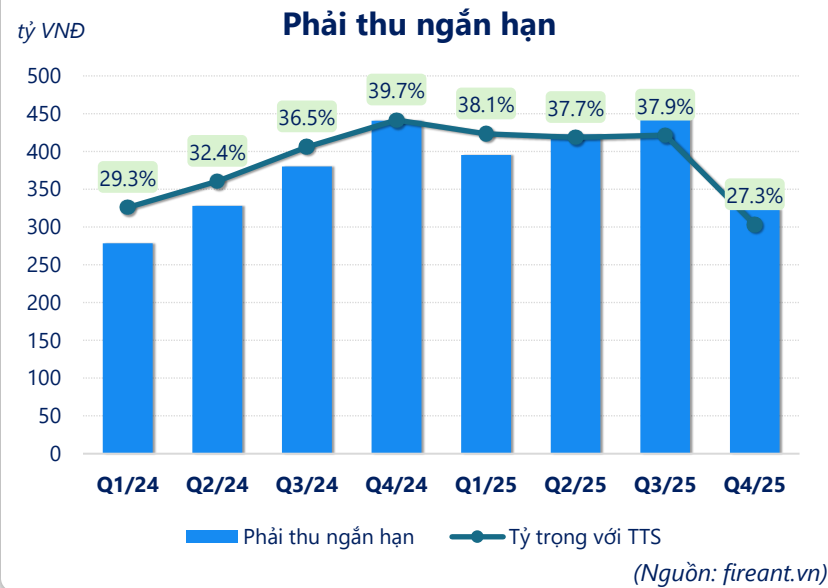
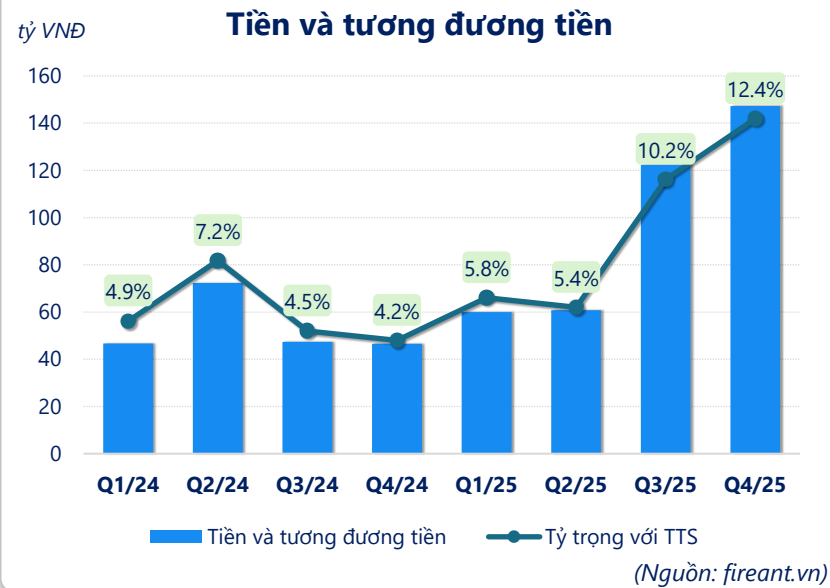
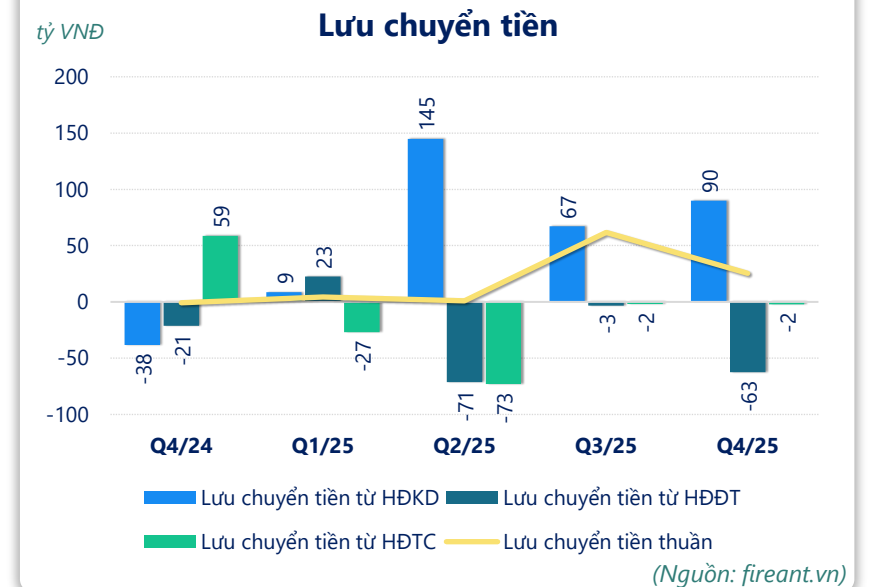
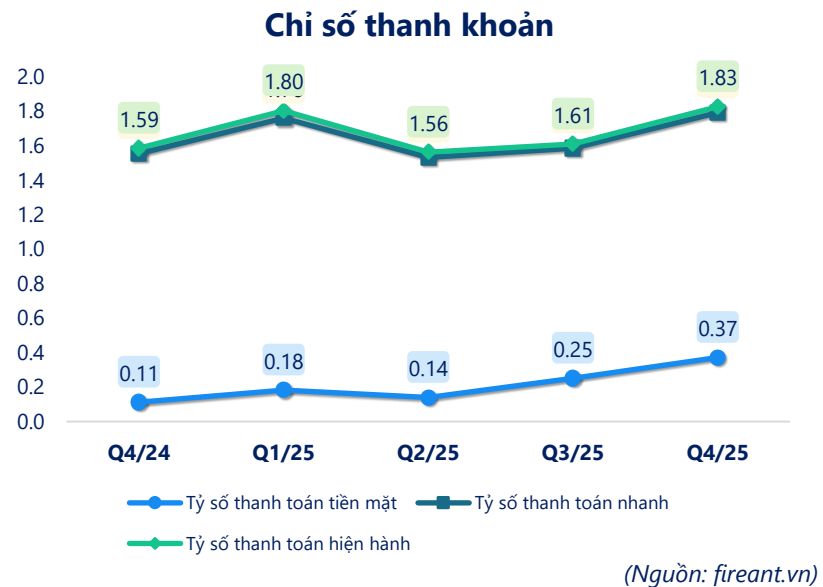
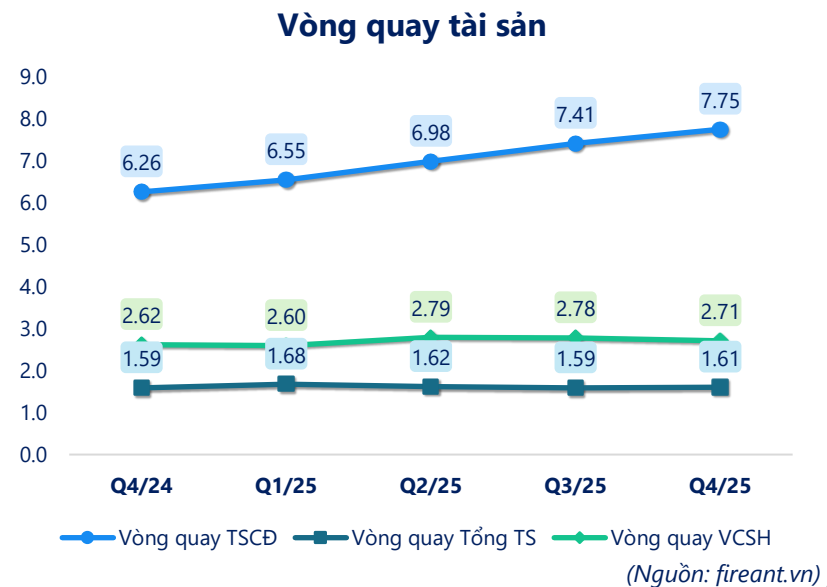
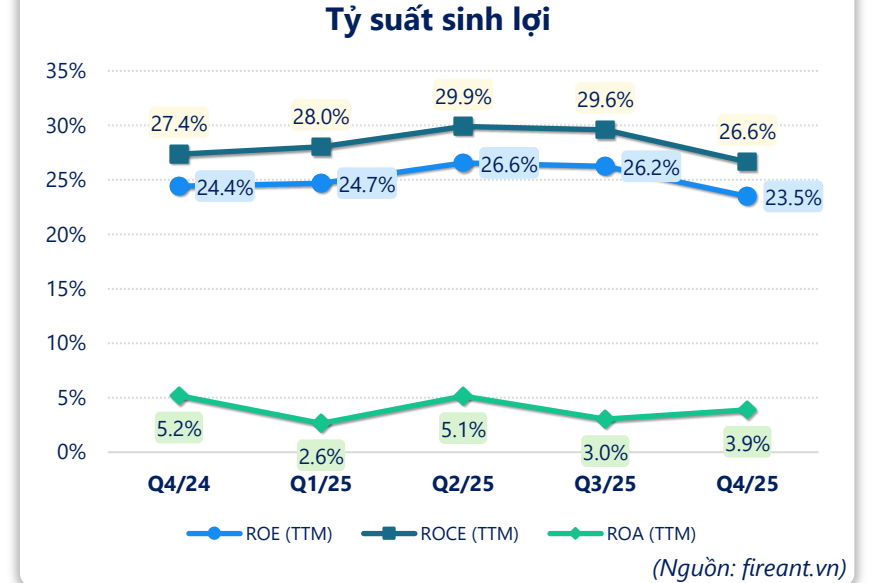
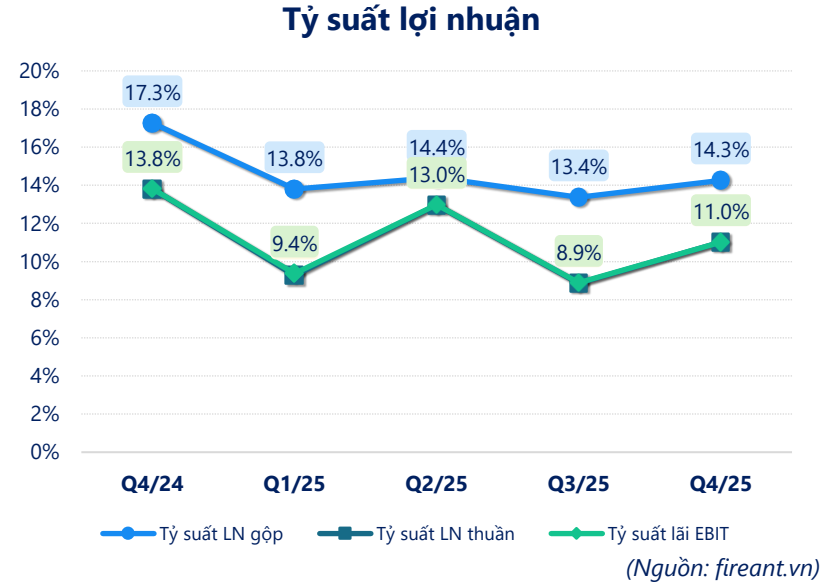
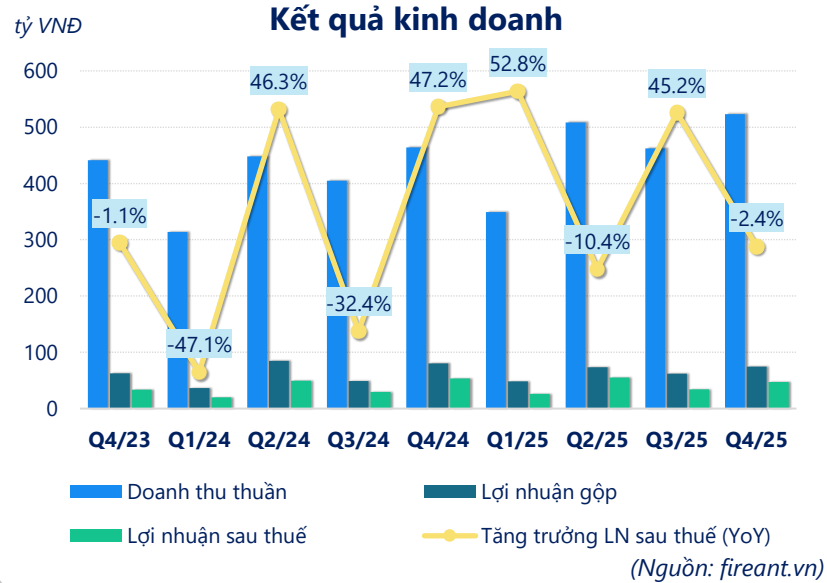


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,992
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,424
SL cổ phiếu LH		30,158,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,930
% sở hữu nước ngoài		5.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,027
P/E		6.4
EPS		5,294

	YTD	1T	3T	6T
TCL	3.7%	-1.3%	-1.7%	-1.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,186	1,111	6.8%
Tài sản ngắn hạn	724	663	9.2%
Tiền và tương đương tiền	147	55.5	165%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	237	145	63.1%
Phải thu ngắn hạn	323	444	-27.2%
Hàng tồn kho	13.8	13.1	5.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.99	5.07	-41.0%
Tài sản dài hạn	462	447	3.3%
Phải thu dài hạn	9.68	18.0	-46.2%
Tài sản cố định	228	247	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.8	3.41	774%
Đầu tư tài chính dài hạn	163	146	11.5%
Tài sản dài hạn khác	31.5	32.2	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	473	460	2.9%
Nợ ngắn hạn	397	422	-6.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.81	32.2	-94.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	237	272	-13.0%
Nợ dài hạn	76.9	37.9	103%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.81	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	713	651	9.6%
Vốn chủ sở hữu	713	651	9.6%
Vốn điều lệ	302	302	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	464	349	508	463	523
Giá vốn hàng bán	384	301	435	401	449
Lợi nhuận gộp	80.1	48.2	73.2	61.8	74.6
Doanh thu HĐTC	2.73	0.82	6.71	1.91	5.39
Chi phí TC	0.12	0.37	0.07	0.05	0.48
Chi phí lãi vay	0.12	0.37	0.07	0.05	0.03
LN trong công ty LKLD	10.1	5.32	14.7	6.72	7.86
Chi phí bán hàng	8.42	5.91	9.84	8.99	7.96
Chi phí QLDN	20.3	15.7	18.8	20.4	21.8
LN thuần từ HĐKD	64.1	32.3	65.9	41.0	57.6
Lợi nhuận khác	-0.09	0.00	0.09	0.08	0.00
LN trước thuế	64.0	32.3	65.9	41.1	57.6
Lợi nhuận sau thuế	53.3	26.5	55.3	34.2	47.2
LNST của CĐ cty mẹ	53.2	26.3	54.8	34.0	44.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-38.1	8.58	145	67.1	90.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.2	22.7	-71.1	-3.34	-62.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.6	-26.8	-72.8	-2.02	-2.21
Tiền đầu kỳ	47.3	55.5	59.9	60.8	122
Lưu chuyển tiền thuần	-0.79	4.43	0.81	61.7	25.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	-0.53
Tiền cuối kỳ	46.5	59.9	60.8	122	147

(Nguồn: fireant.vn)